TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao;

Ông Nguyễn Ngọc Ẩn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 510/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lan P, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Long An. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức K, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lan P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Lan P và ông Nguyễn Đức K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 27/7/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông K nóng tính, không chăm lo vợ con, thường xuyên nhậu, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã. Cách nay khoảng 02 năm thì vợ chồng không còn quan tâm lẫn

nhau. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà P và ông K có 02 người con chung tên là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/11/2013. Bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung khi vợ chồng ly hôn, bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P xác định không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Đức K trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông K thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian kết hôn, còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do lúc bà P mang thai thì ông K có hay thường xuyên nhậu, nhưng thời gian gần đây thì ông K không còn nhậu nữa. Ông K xác định là do đi làm về mệt, nên có nóng tính hay la mắng con, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ông K xác định vẫn còn thương vợ, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà P và ông K có 02 người con chung tên là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/11/2013. Bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con thì ông K đồng ý.

Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông K xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Lan P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức K. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà P có yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông K được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà P và ông K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Lan P thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Lan P và ông Nguyễn Đức K xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà P và ông K xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng

xảy ra mâu thuẫn và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để ông bà có giải pháp đoàn tụ. Tuy nhiên, bà P xác định không còn tình cảm với ông K, nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K. Ông K cho rằng còn thương vợ và muốn hàn gắn tình cảm, nhưng ông K không đưa ra được giải pháp đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà P và ông K mâu thuẫn đã lâu. Trong khoảng thời gian này, ông bà không thể đoàn tụ được, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà P là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Bà P và ông K có 02 người con chung tên là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/11/2013. Bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con thì ông K đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của bà P và ông K là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu là muốn sống chung với bà P khi cha mẹ đã ly hôn. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Bà P và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà P và ông K trình bày không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan P đối với ông Nguyễn Đức K.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan P được ly hôn với ông Nguyễn Đức K.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lan P trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/11/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, nên ông K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lan P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00012261, ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Lan P đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Thanh Phú
(Số 63 ngày 27/7/2009);
- Đương sự;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm